TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/**2024/DS-ST
Ngày: 22/01/2024
V/v T/C hợp đồng góp hụi, vay, cầm cố quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 22/01/2024, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 462/2023/TLST-DS, ngày 01/12/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi, vay, cầm cố quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 04/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Lê Hải Đ**, sinh năm 1978 (có mặt (vắng mặt lúc tuyên án)).

Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1981 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày: Bà P có tham gia các dây hụi do ông Lê Hải Đ và vợ là bà Trần Thị H làm chủ hụi cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mùa 5.000.000 đồng mở ngày 15/11/2017 âm lịch, có 14 phần, bà P tham gia 02 phần, tên trong giấy hụi là: Chị P. Bà P đã đóng được 12 lần với số tiền là:

02 phần x 12 lần x 5.000.000 đồng = 120.000.000 đồng. Đến lần thứ 13 thì hụi này bị bể và bà vẫn chưa hốt hụi này. Dây hụi này ông Đ và bà H còn thiếu bà P là 115.000.000 đồng (đã trừ 5.000.000 đồng tiền đầu thảo/02 phần).

Dây 2: Hụi mùa 5.000.000 đồng mở ngày 20/07/2018 âm lịch, có 16 phần, bà P tham gia 02 phần, tên trong giấy hụi là: Chị P. Bà P đã đóng được 10 lần với số tiền là: 02 phần x 10 lần x 5.000.000 đồng = 100.000.000 đồng. Đến lần thứ 11 thì hụi này bị bể và bà vẫn chưa hốt hụi này. Dây hụi này ông Đ và bà H còn thiếu bà P là 95.000.000 đồng (đã trừ 5.000.000 đồng tiền đầu thảo/02 phần).

Dây 3: Hụi mùa 5.000.000 đồng mở ngày 20/11/2018 âm lịch, có 15 phần, bà P tham gia 01 phần tên trong giấy hụi là: Chị P. Bà P đã đóng được 09 lần với số tiền là: 01 phần x 09 lần x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng. Đến lần thứ 10 thì hụi này bị bể và bà vẫn chưa hốt hụi này. Dây hụi này ông Đ và bà H còn thiếu bà P là 42.500.000 đồng (đã trừ 2.500.000 đồng tiền đầu thảo).

Tổng các dây hụi ông Đ và bà H còn thiếu bà P là: 115.000.000 đồng + 95.000.000 đồng + 42.500.000 đồng = 252.500.000 đồng.

Ngoài ra vào tháng 01/2021, bà P có cho ông Đ và bà H vay số tiền 99.000.000 đồng. Do bà P nghĩ là chị em trong gia đình nên bà P không có làm giấy nợ. Tiếp theo, vào tháng 10/2021, bà P có cho ông Đ và bà H vay thêm 25.000.000 đồng và bà P giao kèo phải trả số tiền 99.000.000 đồng + 25.000.000 đồng = 124.000.000 đồng trong vòng 01 năm. Nhưng đến nay vợ chồng ông Đ và bà H vẫn không trả cho bà P.

Vào tháng 12/2006, bà P có cố khoảng 05 công đất của vợ chồng ông Đ, bà H với số vàng 30 chỉ vàng 24k. Sau đó bà P có cho vợ chồng ông Đ, bà H thuê lại 05 công đất này với tiền lãi mỗi năm là 02 tấn lúa. Vào tháng 03/2011, ông Đ và bà H có chuộc lại bớt là 05 chỉ vàng 24k, phần lãi còn lại bà P vẫn được hai vợ chồng đong lúa cho bà P đến tháng 12/2019 thì không đong lúa, đóng lãi cho bà P nữa. Nên tổng cộng phần cố đất này ông Đ và bà H còn thiếu bà P tính theo giá vàng là 5.300.000 đồng/chỉ vàng 24K thì 25 chỉ vàng 24K x 5.300.000 đồng = 132.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết: Buộc ông Lê Hải Đ và bà Trần Thị H có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà P số tiền hụi là 252.500.000 đồng; yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tiền mượn và tiền cố đất là 124.000.000 đồng + 25 chỉ vàng 24k (quy ra thành tiền là 132.500.000 đồng).

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà H thống nhất với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà P, đồng ý trả cho bà P tổng số nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà P gồm tiền hụi là 252.500.000 đồng, tiền mượn là 124.000.000 đồng và vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k.

Bị đơn ông Lê Hải Đ trình bày: Ông và bà H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Ông có biết bà H làm chủ hụi và ông cũng có ký cho bà H giấy ghi hụi nhưng sau đó bà H tự ý photo ra rồi gửi các hụi viên. Tiền bạc liên quan đến hụi của bà H từ trước đến nay bà H tự chi xài, ông không có liên quan; Đối với tền mượn và tiền cố đất, ông hoàn toàn không biết và cũng không có ký bất kỳ giấy tờ nào nên ông không đồng ý chịu trách nhiệm về số nợ này.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu về số tiền hụi là 252.500.000 đồng; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút yêu cầu gồm tiền mượn là 124.000.000 đồng và vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k (quy ra thành tiền là 132.500.000 đồng). Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi yêu cầu, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà H, ông Đ trả số tiền nợ hụi là 252.500.000 đồng thay vì là 265.000.000 đồng như đơn khởi kiện. Ngoài ra, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ tiền mượn là 124.000.000 đồng và vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k (quy ra thành tiền là 132.500.000 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy việc rút và thay đổi một phần yêu cầu này là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc rút và thay đổi yêu cầu như trên của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà P cho rằng là hụi viên đã tham gia 03 dây hụi do vợ chồng bà P, ông Đ làm chủ hụi. Các dây hụi này hiện nay bị bể và tổng số nợ bị đơn còn nợ là 252.500.000 đồng (đã trừ đầu thảo 12.500.000 đồng). Các dây hụi này được các hụi viên là bà Lâm Thị B và Nguyễn Thị H1 xác nhận bà P có tham các dây hụi trên và hiện nay các dây hụi đều bị bể. Bị đơn bà Trần Thị H cũng đã xác nhận và đồng ý trả cho bà P số tiền nợ hụi là 252.500.000 đồng. Bị đơn ông Lê Hải Đ không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới với bà H về số nợ hụi nhưng ông không thắc mắc hay có ý kiến về số nợ hụi.

[2.2] Hợp đồng góp hụi giữa các bên đương sự được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà H, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ, khi để hụi bể, không trả lại tiền hụi cho hụi viên.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy bà H và ông Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Việc giao dịch hụi diễn ra trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa, ông Đ thừa nhận có biết và có ký giấy hụi cho bà H tham gia làm chủ hụi. Do đó, ông Đ phải có trách nhiệm liên đới với bà H về số nợ trên theo quy định tại Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 15, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P đối với yêu cầu về nợ hụi nêu trên

[2.5] Đối với số tiền mượn là 124.000.000 đồng và số vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k, bà P đã rút yêu cầu nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này của bà P.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 252.500.000 đồng x 5% = 12.600.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ Điều 15, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P đối với yêu cầu khởi kiện về khoản nợ tiền mượn là 124.000.000 đồng và vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k (quy ra thành tiền là 132.500.000 đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Trần Thị H và ông Lê Hải Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Thị P số tiền nợ hụi là 252.500.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị P có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trần Thị H và ông Lê Hải Đ còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi

cho bà Trần Thị P theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà H và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.600.000 đồng.

Bà Trần Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.430.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001009 ngày 29/11/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa